

Số: /KH-UBND

Nha Bích, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nha Bích năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 16/01/2026 của Ban chỉ đạo phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/ĐU ngày 09/02/2026 của Đảng ủy xã triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 9/10/2025 của UBND xã triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã;

UBND xã Nha Bích ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu 6 rõ: **rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền**”; bảo đảm việc thực hiện bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, Kế hoạch số 92/KH-UBND và các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh. Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần đổi mới, sáng tạo của các phòng, cơ quan, đơn vị doanh nghiệp và Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của xã; bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa các nhiệm vụ mang tính nền tảng, thường xuyên (hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng) với các nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã. Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành. Bảo đảm phân công rõ ràng về trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện; nâng cao tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kết quả triển khai làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định. Đồng thời, chú trọng phòng, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu đề xuất chủ trương, xây dựng danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Phân đầu 100% nhiệm vụ tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, tỉnh; thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được cập nhật đầy đủ, kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện mục tiêu năm 2026 là năm tăng tốc, tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã. Tập trung triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đóng góp thực chất, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, các nhà trường, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh.

- Tổ chức triển khai, kết nối, tích hợp và khai thác hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL dùng chung của bộ, ngành, của tỉnh theo danh mục đã ban hành; bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông, chia sẻ dữ liệu và dịch vụ số giữa các ngành, lĩnh vực, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu số và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng, vận hành ổn định, hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián

đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

Kèm theo phụ lục I, Danh mục các mục tiêu cụ thể.

III. GIẢI PHÁP

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Các phòng, cơ quan, đơn vị căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW và các kế hoạch của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy (*Kế hoạch hành động 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*), UBND tỉnh (*Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025*), các Kế hoạch của xã (*Kế hoạch số 10-KH/ĐU ngày 23/9/2025, Kế hoạch số 02-KH/ĐU ngày 09/02/2026 của Đảng ủy xã*), (*Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 9/10/2025 của UBND xã*) triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phân công cán bộ phụ trách, xác định tiến độ và kết quả đầu ra.

- Tất cả hoạt động chỉ đạo, điều hành đều dựa trên dữ liệu: sử dụng Hệ thống theodoinq.dcs.vn để cập nhật, giám sát, cảnh báo tiến độ. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về độ chính xác và đầy đủ của dữ liệu trên hệ thống.

2. Triển khai chính sách, nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN, ĐMST và CDS

- Triển khai đầy đủ các quy định, chính sách của Trung ương, tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thực hiện đồng bộ, thống nhất các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số.

- Cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số; sử dụng giấy tờ số trên tài khoản định danh thay thế giấy tờ bản giấy.

b) Chuyển đổi số

- Triển khai tái cấu trúc dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm nguyên tắc “khai một lần - dùng nhiều lần”.

- Gắn mã định danh cá nhân/tổ chức với hồ sơ, giấy tờ liên quan.

- Số hóa nghiêm túc, nhất quán; dữ liệu tuân thủ nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

- Bồi dưỡng kỹ năng số thực chất cho cán bộ và người dân; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai, bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn.

- Triển khai thống nhất giải pháp bảo mật mạng Mật/Tối Mật theo hướng dùng chung toàn hệ thống chính trị.

c) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã.

- Triển khai chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả, chất lượng như: Trên các cơ quan báo chí của Trung ương, tỉnh; Hệ thống truyền thanh xã; Trang Thông tin điện tử xã; trên trang mạng xã hội; các cuộc họp, hội nghị, tập huấn, tuyên truyền; Pa nô, Băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sự kiện chính trị, xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật như sau: Ngân sách nhà nước; Huy động các nguồn lực xã hội hóa; Vốn đầu tư của doanh nghiệp; Các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, các đơn vị triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã các khó khăn, vướng mắc và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch.

- Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy và các cơ quan liên quan trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định hướng thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị; báo cáo UBND xã trước ngày 20 hằng tháng, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị các nội dung cần chỉ đạo để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

2. Phòng kinh tế

- Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm thực hiện dự án đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển các chương trình dự án (nếu có) thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

- Tham mưu xây dựng, vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công hiệu quả, chất lượng theo hướng dẫn của tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhất là công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức tại Trung tâm.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã

Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

5. Công an xã

- Chủ trì, triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn xã.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

7. Các nhà trường:

- Triển khai các văn bản, kế hoạch, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng số cho học sinh phù hợp với cấp học.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

8. Trạm Y tế xã

- Tiếp tục triển khai đẩy mạnh hỗ trợ người dân tham gia nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Hoàn thiện hạ tầng các cơ sở y tế và phát triển các kho dữ liệu chuyên khoa ngành y tế.

- Thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

9. Đề nghị các đơn vị DVVT

- Phối hợp với UBND xã trong việc triển khai các hoạt động, chương trình, nhiệm vụ theo thỏa thuận hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

10. Ban nhân dân các ấp

- Tuyên truyền nội dung của kế hoạch đến Nhân dân trên địa bàn ấp. Chỉ đạo các Tổ công nghệ số cộng đồng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến, cài đặt phần mềm thanh toán điện tử, chữ ký số, các kỹ năng trên môi trường mạng.

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nha Bích năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT. ĐU, TT. HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Các phòng CM UBND xã;
- Công an xã;
- Các nhà trường;
- Trạm y tế;
- Các Đơn vị DVVT;
- Ban nhân dân các ấp;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Minh Tiên

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo kế hoạch số/KH-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Nha Bích)

STT	Nội dung chỉ tiêu phấn đấu đạt được đến cuối năm 2026 (32 chỉ tiêu)	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì
I	Về phát triển hạ tầng (02)			
1	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	≥ 60%	Phòng VH-XH
2	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	≥ 70%	Phòng VH-XH
II	Về Phát triển nguồn lực (05)	%	≥ 50%	Phòng Kinh tế
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP ≥ 1% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	%	≥ 1% GRDP	Phòng Kinh tế
2	Tỉ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	Phòng VH-XH
3	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100%	Phòng VH-XH
4	Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số	%	100%	Các nhà trường
5	Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90%	Trạm y tế, Các nhà trường, Phòng VH-XH, Phòng Kinh tế
III	Về phát triển khoa học, công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (04)			
1	Tham gia các hội thi về khoa học, kỹ thuật do tỉnh tổ chức	Hội thi	Có	Phòng VH-XH
2	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	≥10%	Phòng VH-XH
3	Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số và tham gia vào các hoạt động đổi mới sáng tạo do tỉnh tổ chức	DN	≥ 3	Phòng Kinh tế
4	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, AI cho Tổ công nghệ số cộng đồng các ấp	%	100%	Phòng VH-XH

IV	Về phát triển chuyển đổi số (21)			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền 90%	%	90%	Trung tâm PVHCC
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100%	Trung tâm PVHCC
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	100%	Trung tâm PVHCC
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100%	VP. HĐND-UBND
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100%	Trung tâm PVHCC
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	95%	VP HĐND-UBND
7	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80%	Trung tâm PVHCC
8	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	≥ 90%	Trung tâm PVHCC
9	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	≥ 80%	Trung tâm PVHCC
10	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	≥ 80%	Trung tâm PVHCC
11	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%	VP. HĐND-UBND
12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%	VP. HĐND-UBND
13	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80%	Phòng VH-XH
14	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	≥ 60%	Phòng Kinh tế
15	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 80%	Công an xã
16	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	≥ 80%	Phòng VH-XH
17	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100%	VP. HĐND-UBND

18	Triển khai kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	80%	VP. HĐND-UBND
19	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	$\geq 95\%$	Phòng VH-XH
20	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	$\geq 95\%$	Trạm y tế xã
21	Tỷ lệ người dân được định danh số	%	100%	Công an xã

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo kế hoạch số/KH-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Nha Bích)

(1) Mã Nhiệm vụ Tổng quát	(2) Tiểu Nhiệm vụ (Con) (Rõ Việc)	(3) Sản phẩm Đầu ra Bắt buộc (Rõ Kết quả)	(4) KPI Đo lường Hiệu quả (Định lượng)	(5) Đơn vị Chủ trì (Rõ người)	(6) Đơn vị phối hợp	(7) Thời hạn Hoàn thành (Rõ Thời gian)
I. Xây dựng, triển khai các kế hoạch, chương trình, thể chế, chính sách						
1. Triển khai các Kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách, nghị quyết của Trung ương, tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách, nghị quyết của Trung ương, tỉnh về đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương	Văn bản	100% các văn bản triển khai	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026
2. Ban hành Kế hoạch Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”	Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai số 57-NQ/TW trên địa bàn xã năm 2026	Kế hoạch	Văn bản ban hành	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Trước tháng 2/2026
3. Triển khai Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030	Xây dựng Kế hoạch/Công văn triển khai Đề án	Kế hoạch/Công văn triển khai	Văn bản ban hành	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Quy định của tỉnh
II. Hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						

(1) Mã Nhiệm vụ Tổng quát	(2) Tiểu Nhiệm vụ (Con) (Rõ Việc)	(3) Sản phẩm Đầu ra Bắt buộc (Rõ Kết quả)	(4) KPI Đo lường Hiệu quả (Định lượng)	(5) Đơn vị Chủ trì (Rõ người)	(6) Đơn vị phối hợp	(7) Thời hạn Hoàn thành (Rõ Thời gian)
1. Xây dựng, phát triển hạ tầng số, tập trung về hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng viễn thông, mạng di động băng rộng hạ tầng internet, hạ tầng kết nối số	Văn bản, kết quả triển khai	Văn bản ban hành/Báo cáo kết quả	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026
2. Vận hành ổn định Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Tiếp tục triển khai vận hành ổn định, hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Báo cáo kết quả	Văn bản ban hành	Trung tâm PVHCC	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026
III. Phát triển nguồn nhân lực						
1. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số, kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số, kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ CNSCĐ các ấp	Ban hành kế hoạch	100% cán bộ, công chức, viên chức, Tổ CNSCĐ	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026
2. Tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức do Trung ương, tỉnh tổ	Tham dự bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường	Các chương trình được triển khai và báo cáo kết quả thực hiện.	100% cán bộ, công chức, viên chức, Tổ CNSCĐ	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026

(1) Mã Nhiệm vụ Tổng quát	(2) Tiểu Nhiệm vụ (Con) (Rõ Việc)	(3) Sản phẩm Đầu ra Bắt buộc (Rõ Kết quả)	(4) KPI Đo lường Hiệu quả (Định lượng)	(5) Đơn vị Chủ trì (Rõ người)	(6) Đơn vị phối hợp	(7) Thời hạn Hoàn thành (Rõ Thời gian)
chức	làm việc sang môi trường số					
IV. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị						
1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin do Trung ương, tỉnh triển khai	Thực hiện phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị của tỉnh sử dụng hệ thống thông tin trên các lĩnh vực	Hệ thống thông tin các lĩnh vực	Hệ thống được đưa vào sử dụng	VP. HĐND-UBND	Cơ quan, đơn vị	Theo hướng dẫn của tỉnh
2. Triển khai, thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Triển khai, theo dõi, đôn đốc triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu	Văn bản triển khai	TTHC được rà soát, đề xuất	Trung tâm PVHCC	Cơ quan, đơn vị	Theo hướng dẫn của tỉnh
3. Kế hoạch rà soát, nâng cao kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.	Kế hoạch rà soát, nâng cao kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công	Kế hoạch ban hành	Kế hoạch được thông qua và ban hành đúng thời hạn	Trung tâm PVHCC	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026

(1) Mã Nhiệm vụ Tổng quát	(2) Tiểu Nhiệm vụ (Con) (Rõ Việc)	(3) Sản phẩm Đầu ra Bắt buộc (Rõ Kết quả)	(4) KPI Đo lường Hiệu quả (Định lượng)	(5) Đơn vị Chủ trì (Rõ người)	(6) Đơn vị phối hợp	(7) Thời hạn Hoàn thành (Rõ Thời gian)
	theo thời gian thực trên môi trường điện tử					
4. Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2026 tầm nhìn đến năm 2030”	Tiếp tục làm sạch dữ liệu và tích hợp dữ liệu các sở ngành nhất là 12 CSDL trọng điểm quốc gia	CSDL tích hợp và làm sạch	Đúng tiến độ lộ trình đề ra	Công an xã	Cơ quan, đơn vị	Quý I/2026
V. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp						
1. Chương trình/Kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Chương trình/Kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Kế hoạch/ Chương trình được triển khai	Kế hoạch/Chương trình được triển khai	Phòng kinh tế	Cơ quan, đơn vị	Quý I/2026
2. Phối hợp triển khai các nền tảng số dùng chung của Trung ương, tỉnh	Phối hợp triển khai các nền tảng số dùng chung của Trung ương, tỉnh trên địa bàn xã	Các nền tảng được triển khai	Văn bản ban hành	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Quý II/2026
VI. Tăng cường hợp tác						

(1) Mã Nhiệm vụ Tổng quát	(2) Tiểu Nhiệm vụ (Con) (Rõ Việc)	(3) Sản phẩm Đầu ra Bắt buộc (Rõ Kết quả)	(4) KPI Đo lường Hiệu quả (Định lượng)	(5) Đơn vị Chủ trì (Rõ người)	(6) Đơn vị phối hợp	(7) Thời hạn Hoàn thành (Rõ Thời gian)
1. Ký kết các chương trình, thỏa thuận phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chương trình, thỏa thuận phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các cơ quan, đơn vị	Chương trình được ký kết	$\geq 50\%$ nội dung ký kết được triển khai	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Quý II/ 2026
2. Học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Báo cáo kết quả	≥ 01 mô hình/ được đề xuất, xem xét triển khai	Phòng VH-XH	Cơ quan, đơn vị	Năm 2026